

Số:06/BC-THNT

Thành Đông, ngày 28 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
BỔ SUNG VÀ DỰ KIẾN THU – CHI
Học kỳ II năm học 2025-2026 và năm học 2026-2027
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ vào Báo cáo số:28/BC-THNT ngày 10/7/2025 của trường Tiểu học Nguyễn Trãi về báo cáo thường niên (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trường Tiểu học Nguyễn Trãi điều chỉnh các khoản thu học kỳ II năm học 2025-2026 và dự kiến các khoản thu năm học 2026-2027 như sau:

1-Các khoản thu kỳ II năm học 2025-2026:

Căn cứ vào Nghị quyết 58/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng Quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

STT	Khoản thu	Đơn vị	Mức thu	Ghi chú
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Học sinh Khối 2, 3, 4, 5	đồng/học sinh/năm	Thu theo quy định của bảo hiểm	Thu theo năm (Tháng 11,12/2025)
2	Tiền dạy học 2 buổi/ngày	đồng/học sinh/Kì		Không thu tiền
3	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	đồng/học sinh/tháng		Không thu tiền
4	Dịch vụ ăn uống, bán trú			
	-Tiền ăn: 26.000đ/bữa (gồm bữa chính, bữa phụ). Tính trên 1 tháng 22 bữa	Bữa	572.000đ/tháng	Thu theo tháng
	-Phụ phí bán trú (chất đốt, điện, nước)	Tháng	55.000đ/tháng	Thu theo tháng
	-Dịch vụ hỗ trợ hoạt động chăm sóc bán trú (hỗ trợ người nấu, phụ vụ	Tháng	150.000đ/tháng	Thu theo tháng

	chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú			
5	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho dịch vụ bán trú)			
	-Đối với HS mới tuyển hoặc lần đầu	Năm học	200.000đ	Thu theo năm học
	-Các năm học tiếp theo	Năm học	100.000đ	Thu theo năm học
6	Dịch vụ nước uống cho HS	đồng/học sinh/tháng	7.000đ	Thu theo học kỳ
7	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc HS ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn	HS/giờ (1 giờ = 60 phút)	10.000đ	Thu theo tháng (kỳ)
8	Dịch vụ hoạt động kỹ năng sống (do các CSGD mầm non, GDPT công lập trực tiếp xây dựng chương trình, KH tổ chức thực hiện; không quá 1 tiết/tuần)	đồng/học sinh/tiết	12.000đ – 15.000đ	Thu theo tháng (kỳ)
9	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác			
	-Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động GD dạy 2 buổi/ngày	Hs/tháng	30.000đ	Thu theo tháng (kỳ)
10	Dịch vụ trông giữ xe cho HS	Xe/tháng	30.000đ	Thu theo kỳ
11	Học tiếng nước ngoài (TANN)	đồng/học sinh/tiết	40.000đ	Thu theo tháng
12	Tiền sử dụng điều hòa			Thu theo số điện sử dụng chốt cuối mỗi kỳ của các phòng
13	Tài trợ	đồng	Tự nguyện	Tiếp nhận theo đợt phát động

2- Dự kiến các khoản thu năm học 2026-2027

Căn cứ vào Nghị quyết 58/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng Quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

STT	Khoản thu	Đơn vị	Mức thu	Ghi chú
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	

	Học sinh Khối 1	đồng/học sinh/năm	Thu theo quy định của bảo hiểm	Thu theo năm (Tháng 9/2026)
	Học sinh Khối 2, 3, 4, 5	đồng/học sinh/năm	Thu theo quy định của bảo hiểm	Thu theo năm (Tháng 11,12/2026)
2	Tiền dạy học 2 buổi/ngày	đồng/học sinh/Kì		Không thu tiền
3	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	đồng/học sinh/tháng		Không thu tiền
4	Dịch vụ ăn uống, bán trú			
	-Tiền ăn: 26.000đ/bữa (gồm bữa chính, bữa phụ). Tính trên 1 tháng 22 bữa	Bữa	572.000đ/tháng	Thu theo tháng
	-Phụ phí bán trú (chất đốt, điện, nước)	Tháng	55.000đ/tháng	Thu theo tháng
	-Dịch vụ hỗ trợ hoạt động chăm sóc bán trú (hỗ trợ người nấu, phụ vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú)	Tháng	150.000đ/tháng	Thu theo tháng
5	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho dịch vụ bán trú)			
	-Đối với HS mới tuyển hoặc lần đầu	Năm học	200.000đ	Thu theo năm học
	-Các năm học tiếp theo	Năm học	100.000đ	Thu theo năm học
6	Dịch vụ nước uống cho HS	đồng/học sinh/tháng	7.000đ	Thu theo học kỳ
7	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc HS ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	HS/giờ (1 giờ = 60 phút)	10.000đ	Thu theo tháng (kỳ)
8	Dịch vụ hoạt động kỹ năng sống (do các CSGD mầm non, GDPT công lập trực tiếp xây dựng chương trình, KH tổ chức thực hiện; không quá 1 tiết/tuần)	đồng/học sinh/tiết	12.000đ – 15.000đ	Thu theo tháng (kỳ)
9	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác			

	Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động GD dạy 2 buổi/ngày	Hs/tháng	30.000đ	Thu theo tháng (kỳ)
10	Dịch vụ trông giữ xe cho HS	Xe/tháng	30.000đ	Thu theo kỳ
11	Học tiếng nước ngoài (TANN)	đồng/học sinh/tiết	40.000đ	Thu theo tháng
12	Tiền sử dụng điều hòa			Thu theo số điện sử dụng chốt cuối mỗi kỳ của các phòng
13	Tài trợ	đồng	Tự nguyện	Tiếp nhận theo đợt phát động

Nơi nhận:

- Chi bộ, BGH, Tổ CM, giáo viên (CK);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

TM NHÀ TRƯỜNG

HIỆU TRƯỞNG
Ngô Thị Thanh Bình